

Hà nội, ngày 28 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/việc: Thông qua các báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17/06/2020.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18.

Hội đồng quản trị Công ty xin kính trình Đại hội thông qua các báo cáo, bao gồm:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
2. Báo cáo của Ban kiểm soát;
3. Báo cáo của Tổng giám đốc Công ty về hoạt động của công ty năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Kính trình Đại hội thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Đặng Văn Giang

Hà nội, ngày 28 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 của Công ty mẹ đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHĐCĐ thông qua phân chia lợi nhuận như sau:

1. Tổng hợp thu nhập của công ty năm 2020

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1.	Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2020	15.234.192.557	
2.	Lợi nhuận chưa phân phối của năm trước	6.033.363.683	
3.	Tổng lợi nhuận chưa phân phối	21.267.556.240	
4.	Trích các quỹ:	2.209.292.240	
	<i>Trong đó: + Quỹ phúc lợi</i>	<i>1.209.292.240</i>	
	<i>+ Quỹ khen thưởng</i>	<i>1.000.000.000</i>	
5.	Lợi nhuận chưa phân phối còn lại sau khi trích các quỹ	19.058.264.000	

2. Phương án sử dụng lợi nhuận chưa phân phối còn lại:

- Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt cho cổ đông là 5% mệnh giá, tương đương 500 đồng/cổ phiếu, tổng số tiền chi trả cổ tức năm 2020 là 19.058.264.000 đồng
- Thời gian thực hiện: Ngày 28/05/2021.

Kính trình Đại hội xem xét phê duyệt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Đặng Văn Giang

Hà nội, ngày 28 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP đầu tư và xây dựng số 18;
- Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 về việc lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán VACO thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo hợp nhất đều đã được Công ty Công ty TNHH kiểm toán VACO thực hiện kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty đảm bảo rằng sổ sách kế toán Báo cáo tài chính đã được ghi chép một cách phù hợp, phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt nam hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan.

Toàn văn báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo hợp nhất đã kiểm toán được đăng tải trên website của Công ty và công bố thông tin theo đúng quy định về công bố thông tin đối với các công ty niêm yết, đồng thời đã được đính kèm trong tập tài liệu gửi đến quý cổ đông để quý cổ đông xem xét.

Kính trình Đại hội xem xét phê duyệt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Đặng Văn Giang

Hà nội, ngày 28 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v: Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội kế hoạch kinh doanh công ty mẹ và hợp nhất năm 2021 với các chỉ tiêu chính như sau:

I. Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh Công ty LICOGI18

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Tổng giá trị sản lượng	Tỷ đồng	950,00
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	726,00
3	Tổng thu vốn	Tỷ đồng	720,00
4	Tổng mức đầu tư xây dựng dự án	Tỷ đồng	440,0
5	Tổng mức đầu tư nâng cao năng lực thiết bị	Tỷ đồng	25,0
6	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	32,0
7	Tỷ lệ cổ tức dự kiến	%/CP	7,5%

II. Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hợp nhất:

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Tổng giá trị sản lượng	Tỷ đồng	2.570,0
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.112,0
3	Tổng thu vốn	Tỷ đồng	2.077,96
4	Tổng mức đầu tư XD dự án	Tỷ đồng	528,5
5	Tổng mức đầu tư nâng cao năng lực thiết bị	Tỷ đồng	36,5
6	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	50,0
7	Tỷ lệ cổ tức bình quân trong hệ thống	%/CP	9,5%

III. Kiến nghị: ĐHQĐ ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo Đại hội đồng cổ đông ở kỳ đại hội tiếp theo.

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Đặng Văn Giang

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Về việc: Phê duyệt đầu tư xây dựng dự án Khu đô thị mới Bắc cầu Hàn - Giai đoạn 1

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/9/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD-L18 ngày 11/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 có nội dung thông qua việc Đầu tư xây dựng đường dẫn nối cầu Hàn với Quốc lộ 37 (đoạn nối đường 5B với Quốc lộ 37, từ Km4+485,68 - Km10+760,83) theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao và dự án đối ứng là Khu đô thị Bắc Cầu Hàn.

Căn cứ tiến độ và kết quả thực hiện của dự án BT đường dẫn cầu Hàn đã được các cấp phê duyệt.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc đầu tư và triển khai xây dựng dự án: Khu đô thị mới Bắc cầu Hàn - Giai đoạn 1, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN DỰ ÁN

1. Tên Dự án: Khu đô thị mới Bắc cầu Hàn - Giai đoạn 1.
2. Chủ đầu tư: Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 - Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18.1.
3. Địa điểm, ranh giới, diện tích chiếm đất toàn bộ dự án:
 3. 1. Địa điểm: Xã Minh Tân, Huyện Nam Sách và xã An Thượng, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
 3. 2. Ranh giới: Phía Bắc giáp dân cư hiện có, ruộng canh tác xã Minh Tân, huyện Nam Sách và xã An Thượng, thành phố Hải Dương; phía Nam giáp đê và sông Thái Bình; phía Đông giáp khu dân cư thôn Nam Thượng, xã An Thượng, thành phố Hải Dương; phía Tây giáp ruộng lúa xã Minh Tân, huyện Nam Sách.
 3. 3. Diện tích đất dự án: 85,25ha.
4. Mục tiêu, quy mô đầu tư:
 - 4.1. Mục tiêu của dự án: Hình thành và triển khai một Khu đô thị hiện đại, hài hòa về kiến trúc cảnh quan, đảm bảo khớp nối đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với khu vực lân cận; phù hợp với định hướng và nhu cầu phát triển đô thị của Hải Dương. Tạo nguồn để hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường dẫn nối cầu Hàn với Quốc lộ 37 (đoạn nối đường 5B với Quốc lộ 37, từ

Km4+485,68 - Km10+760,83) theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (Hợp đồng BT).

4.2. Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các công trình kiến trúc theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 12/3/2018.

5. Thời gian thực hiện: Dự kiến 36 tháng.

6. Tổng mức đầu tư (không bao gồm tiền sử dụng đất, phần xây thô (nếu có): **1.140.043.992.000 đồng** (Bằng chữ: Một nghìn một trăm bốn mươi tỷ, không trăm bốn mươi ba triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

7. Nguồn vốn đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật: Sử dụng vốn chủ sở hữu của Chủ đầu tư, huy động vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện đầu tư xây dựng dự án.

II. KIẾN NGHỊ

Với quy mô dự án có tổng mức đầu tư lớn, theo quy định của Điều lệ Công ty hiện hành Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua:

1. Phương án đầu tư dự án Khu đô thị mới Bắc cầu Hàn (giai đoạn 1) với những nội dung chính được nêu tại Mục I của Tờ trình này.
2. Đề Hội đồng quản trị chủ động, kịp thời trong quá trình triển khai dự án Khu đô thị mới Bắc cầu Hàn - giai đoạn 1, đảm bảo tiến độ và hiệu quả tối ưu nhất, Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc sau:
 - a. Toàn quyền quyết định việc triển khai dự án bao gồm và không giới hạn các công việc liên quan đến dự án như sau: Quyết định đầu tư dự án (như điều chỉnh quy mô, chức năng, điều chỉnh tổng mức đầu tư tăng/giảm so với tổng mức đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua khi có những thay đổi về chính sách quản lý hoặc biến động thị trường,...).
 - b. Quyết định triển khai thực hiện dự án theo từng giai đoạn tương ứng với các đợt giao đất của UBND tỉnh Hải Dương.
 - c. Triển khai các thủ tục pháp lý, lựa chọn thiết kế, lựa chọn đối tác hợp tác, nhà thầu, đơn vị tài trợ, phương án vay vốn, phương án bán hàng, quản lý dự án.
 - d. Quyết định các vấn đề liên quan đến dự án và các công việc khác theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Đặng Văn Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG SỐ 18

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Hà nội, ngày 28 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021 của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP đầu tư và xây dựng số 18;
- Căn cứ đề xuất của Ban kiểm soát Công ty.

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn Công ty kiểm toán được UBCK nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty Niêm Yết để thực hiện kiểm toán, soát xét BCTC bán niên và BCTC năm 2021 của Công ty.

Kính trình Đại hội phê duyệt.



Đặng Văn Giang

Hà nội, ngày 28 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v: Thông qua mức lương và mức thù lao HĐQT và BKS năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP đầu tư và xây dựng số 18;
- Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2021 của toàn Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội phê duyệt mức lương và thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021 như sau:

1. Mức lương cho thành viên HĐQT và Ban kiểm soát chuyên trách:

TT	Chức vụ	Mức lương/tháng
1	Chủ tịch HĐQT	36.500.000
2	Trưởng ban kiểm soát	23.000.000
3	TV.BKS chuyên trách	8.000.000

2. Mức thù lao cho thành viên HĐQT và Ban kiểm soát kiêm nhiệm:

TT	Chức vụ	Mức thù lao/tháng
1	TV.HĐQT kiêm nhiệm	5.000.000
2	TV.BKS kiêm nhiệm	5.000.000

Kính trình Đại hội thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch



Dặng Văn Giang

Hà nội, ngày 28 tháng 04 năm 2021

**TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

V/v: Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

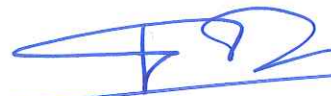
Từ ngày 01/01/2021, Luật chứng khoán năm 2019, Luật Doanh nghiệp năm 2020 chính thức có hiệu lực thi hành. Chính phủ và Bộ Tài chính cũng ban hành Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Thông tư 116/2020/TT-BTC quy định, hướng dẫn thực hiện các Luật trên. Vì vậy, để phù hợp với những quy định pháp luật hiện hành đối với công tác quản trị công ty đại chúng, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông nội dung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty theo mẫu do Bộ Tài chính hướng dẫn.

Toàn văn Dự thảo Quy chế đã được đăng tải trên website của Công ty CP đầu tư và xây dựng số 18 (www.licogi18.com.vn).

Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt nội dung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, quy chế sẽ có hiệu lực kể từ ngày 28/4/2021 để các thành viên Ban kiểm soát tiến hành hoạt động theo đúng quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



LƯU BÁ THÁI

Hà nội, ngày 28 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v: Phê duyệt các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và toàn văn Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17/06/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty niêm yết tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18.

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi Điều lệ, các Quy chế của Công ty CP đầu tư và xây dựng số 18 như sau:

1. Lý do của việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, các Quy chế của công ty

- Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật chứng khoán 2019 bắt đầu có hiệu lực từ 01/01/2021 có nhiều điểm mới, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong giai đoạn gia nhập thị trường nói riêng và trong quá trình đầu tư, kinh doanh nói chung. Trên cơ sở rà soát Điều Lệ, đối chiếu với những văn bản hướng dẫn thi hành Luật, HĐQT nhận thấy một số điều khoản cần được cập nhật, sửa đổi bổ sung cho phù hợp với các quy định mới nhằm hoàn thiện hơn nữa nội dung của Điều lệ làm cơ sở cho việc vận hành các hoạt động của Công ty.
- Chính phủ đã ban hành Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Bộ tài chính đã ban hành Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng thay thế cho NĐ71/2017 và Thông tư 95/2017 về quản trị công ty.
- Sau đợt phát hành tăng vốn năm 2020, vốn điều lệ Công ty đã tăng thêm 151.285.200.000 đồng, tương đương 15.128.520 cổ phần. Tổng số vốn điều lệ của Công ty đến thời điểm hiện tại là 381.165.280.000 đồng, tương đương 38.116.528 cổ phần. Do đó điều khoản về Vốn điều lệ của Công ty cũng phải thay đổi cho phù hợp với vốn điều lệ hiện hành.



2. **Nguyên tắc:** Điều lệ, Quy chế quản trị, quy chế hoạt động của HĐQT của Công ty tối thiểu phải bao gồm các quy định của Điều lệ mẫu, các Quy chế mẫu tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.
3. **Kiến nghị:** Với mục đích, nguyên tắc và nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ, các Quy chế như trên, Hội đồng quản trị kính trình ĐHCĐ thường niên 2021 xem xét và thông qua các nội dung sau:

- Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Công ty được nêu cụ thể trong Phụ lục Thuyết minh sửa đổi, dự thảo Điều Lệ Công ty đính kèm Tờ Trình này.
- Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được nêu cụ thể trong Thuyết minh sửa đổi Quy chế đính kèm Tờ Trình này.
- Thông qua Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đính kèm Tờ trình này.

Toàn văn Dự thảo Điều lệ, các Quy chế và tài liệu so sánh các nội dung sửa đổi, bổ sung vào Điều lệ, đã được đăng tải trên website của Công ty CP đầu tư và xây dựng số 18 (www.licogi18.com.vn).

Điều lệ Công ty, các Quy chế sửa đổi, bổ sung mới được Đại hội đồng cổ đông thông qua sẽ có hiệu lực kể từ ngày 28/04/2021 và thay thế Điều lệ Công ty và các Quy chế hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
SỐ 18
THÀNH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Đặng Văn Giang

1612-CLCE
TY
LÀN
XÂY DỰNG
18
N - TP. HÀ NỘI

THUYẾT MINH DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THEO LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2020

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng số 18 (“Công ty LICOGH18”) trình Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2021 xem xét việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty. Trong đó các điều khoản dưới đây được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành về mô hình quản trị Công ty cổ phần theo Luật Doanh Nghiệp năm 2020:

Toàn văn Điều lệ Công ty sẽ được sắp xếp lại số thứ tự các khoản, mục trên cơ sở những nội dung sửa đổi, bổ sung chính đã được ĐHĐCĐ thông qua. Những điều Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi

STT	Sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Phân tích căn cứ áp dụng
1.	Giải thích thuật ngữ	Điều 01: Giải thích thuật ngữ Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014; c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010; f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;	Điều 01: Giải thích thuật ngữ Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020; c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019. f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 04 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 06 Luật chứng khoán.. r. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 04 Luật chứng khoán;	Sửa đổi căn cứ áp dụng phù hợp với các Điều luật đang có hiệu lực thi hành: - Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020; - Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
2.	Người đại diện theo pháp luật	Điều 3 - Người đại diện theo pháp luật 3. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định cụ thể tại Điều 12 Luật doanh nghiệp.	Điều 3 - Người đại diện theo pháp luật 3. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định cụ thể tại Điều 12, Điều 13 Luật doanh nghiệp.	Sửa đổi, bổ sung theo Luật doanh nghiệp 2020.
3.	Vốn điều lệ	Điều 6 - Vốn điều lệ, cổ phần 1. Vốn điều lệ của Công ty là: 229.880.080.000 VND, Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 22.988.008 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.	Điều 6 - Vốn điều lệ, cổ phần 1. Vốn điều lệ của Công ty là: 381.165.280.000 đồng Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 38.116.258 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.	Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn theo GCN chào bán có phiếu số 276/GCN-UBCK do Chủ tịch

4.	<p>Quyền của cổ đông Phổ thông</p>	<p>Khoản 2, điều 12 Quyền của cổ đông</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.</p> <p>Khoản 3, Điều 12 Quyền của cổ đông:</p> <p>“ 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 26 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Khoản 2, điều 12 Quyền của cổ đông</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>Khoản 03, Điều 12 Quyền của cổ đông:</p> <p>“ 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền:</p> <p>a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT/BKS</p>	<p>UBCKNN cấp ngày 26/11/2020)</p> <p>Theo hướng dẫn tại TT116/TT-BTC</p> <p>Theo quy định tại Điều 115. Luật Doanh nghiệp năm 2020 Sự khác biệt lớn:</p> <p>1. Tỷ lệ giảm từ 10% xuống 5%.</p> <p>2. Không yêu cầu nắm giữ trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng để các cổ đông/nhóm cổ đông có các quyền như quy định.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% được xem xét, tra cứu, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT.</p>
----	---	--	--	--

5.	Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông	Điều 13: Nghĩa vụ cổ đông: gồm 5 khoản, mục	<p>Điều 13: Nghĩa vụ cổ đông: bổ sung thêm 2 khoản mục gồm:</p> <p>6. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>7. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>e. Gửi phiếu biểu quyết bằng [phương tiện khác] theo quy định trong Điều lệ công ty.</p>	- Bổ sung thêm theo Luật Doanh nghiệp năm 2020 và - Thông tư 116/2020-TT-BTC hướng dẫn bổ sung
6.	Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 14 Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.</p> <p>Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo.</p>	<p>Điều 14: Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Bổ sung thêm: “gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết” “Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính; “Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam”</p> <p>Bổ sung thêm “Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên</p>	Bổ sung theo Điều 139 của Luật doanh nghiệp và TT116

7.	Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ	Điều 15 Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ	có trách nhiệm tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty”	<p>Điều 15 Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ. Bổ sung thêm các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty; - Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; - Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên khi xét thấy cần thiết; - Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất 	Bổ sung theo Điều 138 của Luật doanh nghiệp 2020 và Điều lệ mẫu kèm theo TT116/2020/TT-BTC
8.	Mời họp Đại hội đồng cổ đông	Khoản 3 Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ: “3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội Đồng cổ đông	Khoản 3 Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ: “3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông ... trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội Đồng cổ đông.	1. Theo quy định tại Điều 143 Luật doanh nghiệp năm 2020 đã kéo dài thời gian mời họp ĐHĐCĐ, chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp.	

<p>9.</p>	<p>Triệu tập họp, Chương trình họp và thông báo họp ĐHQĐ</p>	<p>Theo quy định tại khoản 04, khoản 05 Điều 18:</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 03 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHQĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHQĐ.</p> <p>5. Người triệu tập họp ĐHQĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 04 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 03 Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này;</p>	<p>Theo quy định tại khoản 04, khoản 05 Điều 18:</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHQĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHQĐ.</p> <p>5. Người triệu tập họp ĐHQĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 04 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau và việc từ chối phải được thực hiện bằng văn bản chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông, nêu rõ lý do:</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 03 Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này;</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận</p>	<p>1. Bãi bỏ điều kiện sở hữu cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng; đồng thời giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông từ 10% xuống còn 5%.</p> <p>2. Từ chối kiến nghị của cổ đông bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>3. Cổ đông không bắt buộc phải sở hữu trong thời hạn 06 tháng có quyền kiến nghị bằng văn bản.. (Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020)</p> <p>4. Bổ sung thêm khoản 6 theo quy định tại khoản 4 Điều 142 Luật doanh nghiệp 2020.</p>
-----------	---	--	---	---

10.	Điều kiện hành hợp ĐHĐCĐ	Khoản 01, Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông: Cuộc họp Đại hội Đồng cổ Đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.”	Khoản 1, Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông: Cuộc họp Đại hội Đồng cổ Đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.”	Thay đổi tỷ lệ từ ít nhất từ 51% xuống còn 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
11.	Thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông	Khoản 01, khoản 03 Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông: 1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại Hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: 2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp	Khoản 01, khoản 03 Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông: 1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 50% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. 2. Công ty có thể thực hiện việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020 hoặc theo một hình thức bầu cử khác quy định tại Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông tại kỳ diễn ra bầu cử thông qua.	Với các nội dung quan trọng thì yêu cầu tỷ lệ biểu quyết vẫn giữ nguyên từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông dự họp tán hành Luật DN 2020 cho phép điều lệ Công ty có quy định hình thức bầu cử khác...
12.	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến kiến CD bằng văn bản	Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như Nghị Quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như Nghị Quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Thay đổi từ 51% xuống ít nhất 50%.
13.	Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT	Khoản 2, điều 25: Về tỷ lệ sở hữu cổ phần để đề cử ứng cử vào HĐQT Bắt đầu từ tỷ lệ 5% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết để đề cử, ứng cử ứng viên vào HĐQT	Khoản 2, điều 25: Về tỷ lệ sở hữu cổ phần để đề cử ứng cử vào HĐQT Bắt đầu từ tỷ lệ 10% đến từ 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên để đề cử, ứng cử ứng viên vào HĐQT	Thay đổi tỷ lệ để đảm bảo tập trung và theo quy định của Luật doanh nghiệp

14.	Nhiệm kỳ thành viên HĐQT	<p>Điều 26 Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>2. Cơ cấu thành viên hội đồng quản trị: đảm bảo tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên không điều hành</p> <p>4. Tiêu chuẩn của thành viên HĐQT</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đơn từ chức;</p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Thay đổi quy định về thành viên độc lập HĐQT</p> <p>Bổ sung thêm số lượng của thành viên HĐQT độc lập Theo Khoản 2, 4 điều 276 Nghị định 155-ND/2020</p> <p>4. Bổ sung thêm tiêu chuẩn với thành viên HĐQT độc lập</p> <p>Tách biệt rõ ràng việc miễn nhiệm/bãi nhiệm TV HĐQT theo các tiêu chí khác nhau theo điều 160 luật doanh nghiệp</p>
<p>Điều 26 Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Bổ sung thêm “Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục”</p> <p>2. Cơ cấu thành viên hội đồng quản trị: đảm bảo tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên không điều hành và số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập đảm bảo quy định: Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</p> <p>4. Đối với thành viên HĐQT độc lập: Ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, tiêu chuẩn của thành viên HĐQT độc lập phải đáp ứng được các yêu cầu nêu tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp. Cụ thể:</p> <p>5.1 Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 4 Điều này và Điều 155 của Luật doanh nghiệp;</p> <p>b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>5.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản</p>		<p>Điều 26 Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Bổ sung thêm “Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục”</p> <p>2. Cơ cấu thành viên hội đồng quản trị: đảm bảo tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên không điều hành và số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập đảm bảo quy định: Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</p> <p>4. Đối với thành viên HĐQT độc lập: Ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, tiêu chuẩn của thành viên HĐQT độc lập phải đáp ứng được các yêu cầu nêu tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp. Cụ thể:</p> <p>5.1 Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 4 Điều này và Điều 155 của Luật doanh nghiệp;</p> <p>b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>5.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản</p>	

		<p>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.”</p>	<p>trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>b. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>5.3 Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại mục 5.1, 5.2 khoản 5 Điều này.</p>	<p>Điều chỉnh và sắp xếp lại theo hướng dẫn tại TT116, Nghị định 155 và Luật doanh nghiệp.</p>
15.	Quyền và nghĩa vụ của HĐQT		<p>Bổ sung thêm các nội dung sau:</p> <p>Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p>Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p>	<p>Điều chỉnh và sắp xếp lại theo hướng dẫn tại TT116, Nghị định 155 và Luật doanh nghiệp.</p>
16.	Chủ tịch Hội đồng quản trị	<p>Khoản 1, Điều 29. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị:</p> <p>“ 1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu chủ tịch”.</p>	<p>Khoản 01, Điều 29. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị:</p> <p>“1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Bổ sung thêm khoản 5 về việc bầu thay thế Chủ tịch HĐQT khi cần thiết</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại khoản 1,4 điều 156 Luật doanh nghiệp</p>
17.	Người điều hành công ty	<p>Điều 34 – Người điều hành công ty</p>	<p>Điều 34 – Người điều hành Công ty</p> <p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và chức danh quan trọng khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm</p> <p>2. Tiền lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản của người điều hành được tính vào chi phí kinh</p>	<p>Bổ sung theo Điều lệ mẫu kèm theo TT116</p>

		doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế TNDN, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên	
18.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền hạn của TGD	Điều 35 – Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền hạn của Tổng giám đốc Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.	Bổ sung theo khoản 2 điều 162 Luật doanh nghiệp
19.	Ban kiểm soát	Điều 38. Quyền hạn của BKS Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. Bổ sung và tách thành một điều riêng thành Điều 40 – Tiền lương, thù lao của TV.BKS	Bổ sung theo điều lệ mẫu và tham chiếu điều 171 Luật doanh nghiệp
20.	Trường hợp bé tác giữa HĐQT và cổ đông	Mục 4, điều 38 về tiền lương, thù lao BKS Điều 68. Trường hợp bé tác giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông	theo hướng dẫn tại TT116

**THUYẾT MINH NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘ BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18**

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP là Nghị định ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Lý do sửa đổi
<p>CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG</p> <p>Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Quy chế này được xây dựng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính, quy định về quản trị Công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.</p> <p>2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; thăm quyền, nghĩa vụ và phương thức hoạt động của người quản lý Công ty.</p>	<p>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG</p> <p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.</p>	<p>- Chỉnh sửa nội dung theo hướng dẫn tại Quy chế mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng</p>
<p>Điều 2. Nguyên tắc quản trị Công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ những quy định hiện hành của pháp luật; - Tôn trọng đạo đức kinh doanh, có trách nhiệm với xã hội; - Đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông và đối xử công bằng giữa 	<p>Điều 2. Nguyên tắc quản trị Công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ những quy định hiện hành của pháp luật; - Tôn trọng đạo đức kinh doanh, có trách nhiệm với xã hội; Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có 	<p>Chỉnh sửa điểm b tham chiếu Điều 40 Luật Chứng khoán 2019</p>

<p>các cổ đông;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; minh bạch hoạt động của công ty. - Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả. 	<p>quyền lợi liên quan trong quá trình công ty;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông và đối xử công bằng giữa các cổ đông; - Bảo đảm cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả; - Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông; - Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty; - Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng. - Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả. 	<p>Điều 3. Giải thích thuật ngữ</p>	<p>Điều 3. Giải thích thuật ngữ: Bổ sung thêm một số thuật ngữ sau</p> <p>d. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.</p> <p>"Người quản lý doanh nghiệp" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký g. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán và Khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp; kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ.</p>	<p>Chỉnh sửa theo khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Điều 3. Giải thích thuật ngữ</p>	<p>"Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liên tiếp trước đó; 	<p>Chỉnh sửa theo khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp</p>		

	<ul style="list-style-type: none"> - Không phải là người đang hưởng, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; - Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty; - Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty; - Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liên tiếp trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ. 	
<p>- Bổ sung các khái niệm của Luật hiện hành</p>	<p>“Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.</p> <p>“Người có quan hệ gia đình” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.</p> <p>“Người nội bộ” là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của doanh nghiệp được quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p>	
<p>TÁCH LAM 2 CHƯƠNG</p>	<p>CHƯƠNG II: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CỔ ĐÔNG</p>	<p>CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p>
<p>Chính sửa nội dung theo Điều 12,13 Điều lệ Công ty</p>	<p>Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và quy định tại Điều 12, điều 13 của Điều lệ công ty, đặc biệt là</p>	<p>Điều 4. Quyền và nghĩa của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông có quyền từ chối quyền ưu tiên mua trước cổ phần</p>

	<p>mới chào bán.</p> <p>2. Công ty có trách nhiệm xây dựng cơ cấu quản trị công ty hợp lý, xây dựng hệ thống liên lạc hiệu quả với các cổ đông để đảm bảo Cổ đông thực hiện đầy đủ các quyền theo pháp luật và Điều lệ công ty quy định.</p> <p>3. Cổ đông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Vi phạm pháp luật; Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty. 	
	<p>Điều 5. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn</p> <ol style="list-style-type: none"> Hội đồng quản trị của Công ty xây dựng một cơ chế liên lạc thường xuyên với các cổ đông lớn. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của công ty và của các cổ đông khác. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật. 	Bổ sung thêm Điều này
<p>CHƯƠNG III: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p>	<p>CHƯƠNG III: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p> <p>Điều 6. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều 17 Điều lệ công ty. 	Bổ sung theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 2 Quy chế nội bộ về quản trị công ty mẫu
<p>Điều 7. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ</p> <p>HĐQT tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt</p>	<p>Điều 7. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ</p> <ol style="list-style-type: none"> Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ được quy định tại Khoản 3, khoản 4 Điều 14 của Điều lệ Công ty 	Rút gọn vì đã có quy định rất chi tiết trong Điều lệ Công ty, không cần nhắc lại.

<p>thông qua các báo cáo tài chính năm và dự cho năm tài chính tiếp theo;</p> <p>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp ĐHĐCĐ thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p> <p>Đại hội cổ đông bất thường: Hội đồng quản trị phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:....</p>	
<p>7.7 Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính. - Thù lao và chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 3 điều 163 luật doanh nghiệp và điều lệ công ty; - Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT; - Báo cáo giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan đến thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch. - Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT. - Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc; - Kết quả giám sát đối với người điều hành khác; - Các kế hoạch trong tương lai. 	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 3,4 điều 280 nghị định 155/2020</p>
<p>Điều 8: lập danh sách cổ đông tham dự ĐH</p>	<p>Điều 8: lập danh sách cổ đông tham dự ĐH</p>

<p>Công ty phải công bố thông tin về việc <u>đăng ký cuối</u> danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối.</p>	<p>Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ <u>đăng ký cuối</u> để tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối.</p>	<p>Bổ sung thêm theo quy định TT96/2020 của BTC về công bố thông tin và tại mục a khoản 2 điều 18 Điều lệ Công ty.</p>
<p>2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. <u>chậm nhất là hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u></p>	<p>2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. <u>chậm nhất là hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông</u></p>	<p>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty</p>
	<p>Điều 15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <ol style="list-style-type: none"> Sửa đổi bổ sung điều lệ; Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Tổ chức lại, giải thể Công ty; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Vấn đề khác theo quy định của luật doanh nghiệp. <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy</p>	<p>Bổ sung thêm điều này vào Quy chế</p>

	<p>định tại các khoản 1 điều n... khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Công ty có thể thực hiện việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020 hoặc theo một hình thức bầu cử khác quy định tại Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông tại kỳ diễn ra bầu cử thông qua.</p> <p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>
<p>Điều 18. Thăm quyền và Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định ĐHĐCĐ</p> <p>Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ: Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 18. Thăm quyền và Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định ĐHĐCĐ</p> <p>Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ: Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>
<p><u>Không có</u></p>	<p>Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến</p>
<p><u>Không có</u></p>	<p>Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến</p> <p>Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 22 và các Điều khác của Chương II Quy chế này, trừ quy định tại điều 19 về Thẩm quyền và Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định ĐHĐCĐ</p>
<p>CHƯƠNG IV: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>CHƯƠNG IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>

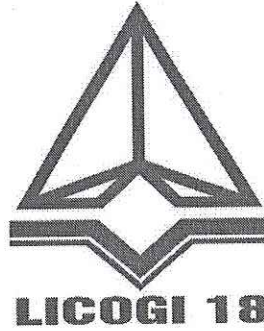
<p>Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông, người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông) thỏa mãn Khoản 2 Điều 25 của Điều lệ Công ty có quyền ứng cử, đề cử các ứng viên vào Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông, người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông thỏa mãn Khoản 2 Điều 25 của Điều lệ Công ty có quyền ứng cử, đề cử các ứng viên vào Hội đồng quản trị</p>	<p>Luật doanh nghiệp 2020 bỏ quy định về thời gian nắm giữ cổ phiếu</p>
<p>Điều 27. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu</p>	<p>Điều 27. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc theo một hình thức khác được quy định tại Quy chế bầu cử và được ĐHCĐ tại kỳ diễn ra bầu cử thông qua.</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.</p>
<p>Điều 60. Hiệu lực</p> <p>1. Quy chế này gồm 10 Chương 60 Điều do Hội đồng quản trị Công ty soạn thảo và được ĐHCĐ thường niên năm 2020 thông qua toàn văn ngày 31/03/2020 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy chế.</p>	<p>Điều 65. Hiệu lực</p> <p>1. Quy chế này gồm 11 Chương 65 Điều do Hội đồng quản trị Công ty soạn thảo và được ĐHCĐ thường niên năm 2021 2020 thông qua toàn văn ngày 28 tháng 04 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy chế.</p>	

Lưu ý:

- Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 18

DỰ THẢO



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2021/QĐ-HĐQT ngày của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18)

Hà nội, Tháng 4 năm 2021

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Điều lệ Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18;
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày 28 tháng 04 năm 2021.
- Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18 bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
 - f. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
 - g. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện mua hay bán cổ phần của Công ty phải có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin về việc mua bán này theo quy định của pháp luật.
 - h. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
 - i. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp.
 - b. Là cổ đông của Công ty hoặc là người khác được đề cử không phải là cổ đông của Công ty có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành xây dựng, kiến trúc, giao thông vận tải, thủy lợi thủy điện, quản trị kinh doanh và có kinh nghiệm trong công tác quản lý doanh nghiệp.
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng không quá 5 công ty.
 - d. Không được từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của một công ty bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng.
 - e. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Công ty.
2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó.
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

- d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này sẽ đương nhiên không còn là thành viên Hội đồng quản trị độc lập kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên Hội đồng quản trị độc lập không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên Hội đồng quản trị độc lập liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - f. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn với bất cứ lý do nào thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.
- d. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a, b khoản này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định.
- b. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

Trừ các trường hợp trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc theo một hình thức khác được quy định tại Quy chế bầu cử và được ĐHĐCĐ tại kỳ diễn ra bầu cử thông qua.

2. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị theo phương thức bầu dồn phiếu:

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết (số lượng ứng viên phải bằng hoặc lớn số lượng thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua để bầu cử tại cuộc họp), trong thời hạn 03 ngày trước thời điểm tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua. Thủ tục Hội đồng quản trị tiến hành đề cử theo quy định pháp luật. Danh sách ứng viên Hội đồng quản trị sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.
4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - l. Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - r. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội cổ đông thông qua;
 - s. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty có giá trị đến dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - t. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - u. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty; Thành lập các công ty con của Công ty;
 - b. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty, liên doanh và hợp đồng mà có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trở lên);
 - c. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - d. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - e. Các khoản đầu tư vượt quá mười phần trăm (10%) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

- f. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - g. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - h. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) mỗi loại cổ phần;
 - i. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.
 5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 6. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trọng yếu, liên quan đến khả năng tồn tại hay chấm dứt hoạt động của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.
 7. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các người điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty
 8. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định đầu tư, bán tài sản có giá trị bằng hoặc dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
3. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
 - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa.
 - c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này.
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan).
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
- b. Lập chương trình, nội dung cuộc họp; Chuẩn bị các tài liệu họp theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
- c. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- d. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g. Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử;
- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ mỗi quý phải họp ít nhất một lần Chủ tịch HĐQT lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập các cuộc họp bất thường khi xét thấy cần thiết. hoặc phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Các trường hợp khác (nếu có).

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Uỷ quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
 - e. Trường hợp cuộc họp của Hội đồng quản trị tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau, phải đảm bảo mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “tham dự” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.
10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
11. Biểu quyết:
- a. Việc biểu quyết trong cuộc họp HĐQT được thực hiện theo quy định tại Khoản 12 Điều 30 của Điều lệ Công ty.
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó, có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
12. Thông qua Nghị quyết HĐQT
- a. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
 - c. Các nghị quyết được thông qua dưới hình thức họp trên điện thoại, hội nghị trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc biên bản họp phải được tất cả thành viên Hội đồng quản trị xác nhận qua hòm thư điện tử mà thành viên đã đăng ký với Công ty.
13. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung quy định tại Điều 15 Quy chế này.

Điều 15. Biên bản họp Hội đồng quản trị

- 1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c. Thời gian, địa điểm họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 10 Điều này.
2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung trong biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp.
 6. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Trường hợp này, biên bản họp Hội đồng quản trị phải ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hằng năm

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.
5. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).
6. Kết quả giám sát đối với Giám đốc.
7. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.
8. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 17. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành

1. Hội đồng quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Tổng Giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2. Định kỳ hàng quý và năm, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Công ty cho Hội đồng quản trị.
3. Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị mọi vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành của Công ty. Tổng Giám đốc không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị được mời tham dự (không biểu quyết) các cuộc họp Hội đồng quản trị.
4. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, các cuộc đàm phán, ký kết hợp đồng của Công ty có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị để cử thành viên Hội đồng quản trị tham dự.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát.
2. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các Kiểm soát viên trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị mời Kiểm soát viên tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.
4. Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị những vấn đề phát sinh tại các cuộc họp của Ban kiểm soát, mọi biên bản họp Ban kiểm soát phải được gửi tới Hội đồng quản trị.
5. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện các trường hợp vi phạm của người điều hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
6. Hội đồng quản trị có quyền đề nghị Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu.
7. Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.
8. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, các Kiểm soát viên có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
9. Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho các Kiểm soát viên cùng với việc cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18 bao gồm 7 chương, 22 điều, được lập thành bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực thi hành kể từ ngàytháng.....năm...

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)